

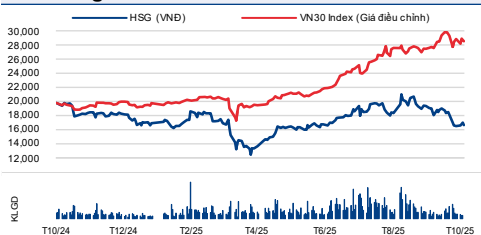
Năm giữ

Giá mục tiêu: VNĐ18,600
Tiềm năng tăng/giảm: 11.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/10/2025)	16,650
Mã Bloomberg	HSG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	12,500-20,950
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	16,775
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	10,339
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	393
Sig CP lưu hành (tr.đv)	621
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	304
Sig CP NN được mua (tr.đv)	248
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	9.13%
Tỷ lệ freefloat	51.6%
Cổ đông lớn	HSIT (19.9%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg9	09-24A	09-25F	09-26F
DT thuần (tỷ đồng)	39,272	37,213	41,280
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,413	1,640	1,576
LNTT (tỷ đồng)	551	857	936
LNT ĐC (tỷ đồng)	479	734	796
FCF (tỷ đồng)	(2,185)	2,137	(505)
EPS ĐC (đồng)	777	1,182	1,281
DPS (đồng)	500	500	500
BVPS (đồng)	17,697	17,309	18,090
T.trưởng EBITDA (%)	8.08	16.0	(3.90)
T.trưởng EPS ĐC (%)	1,615	52.2	8.34
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	3.60	4.41	3.82
Tỷ suất LNTT (%)	1.40	2.30	2.27
Tỷ suất LNT ĐC (%)	1.31	2.12	2.07
Tỷ lệ LN trả CT (%)	59.8	39.3	36.3
Nợ thuần/VCSH (%)	45.5	35.5	15.6
ROAE (%)	4.75	7.29	7.78
ROACE (%)	3.90	7.09	7.29
EV/doanh thu (lần)	0.38	0.37	0.29
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.6	8.51	7.52
P/E ĐC (lần)	21.4	14.1	13.0
P/B (lần)	0.94	0.96	0.92
Lợi suất cổ tức (%)	3.00	3.00	3.00

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

HSG là một trong những doanh nghiệp đầu ngành thép Việt Nam với hệ thống phân phối rộng khắp. Các sản phẩm chính của HSG bao gồm tôn thép, ống thép và ống nhựa.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q4/NĐTC 2024-2025: Có lãi trở lại, nhưng thấp hơn kỳ vọng

- Trong Q4/NĐTC 2024-2025 (năm tài chính kết thúc vào tháng 9), HSG ghi nhận 85 tỷ đồng lợi nhuận thuần (chuyển biến lợi nhuận so với cùng kỳ nhưng giảm 69% so với quý trước), thấp hơn kỳ vọng của HSC ở mức 104 tỷ đồng, trong khi doanh thu đạt 8.357 tỷ đồng (giảm 17% so với cùng kỳ và giảm 12% so với quý trước), sát với dự báo. Lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi đáng thất vọng do chi phí thuế TNDN và chi phí quản lý cao hơn dự kiến.
- Chúng tôi dự báo lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi đạt 28 tỷ đồng, so với lỗ 135 tỷ đồng trong Q4/NĐTC 2023-2024 và thấp hơn 86% so với quý trước. HSG ghi nhận 21 tỷ đồng hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho trong quý (so với 122 tỷ đồng trích lập dự phòng trong Q4/NĐTC 2023-2024), trong khi lãi tỷ giá đạt 33 tỷ đồng trong Q4/NĐTC 2024-2025, giảm 54% so với cùng kỳ và giảm 22% so với quý trước.
- HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu sau khi giá cổ phiếu giảm trong thời gian gần đây.

Sự kiện: Công bố BCTC Q4/NĐTC 2024-2025

Mặc dù doanh thu đa phần sát với kỳ vọng của HSC, đạt 8.357 tỷ đồng (giảm 17% so với cùng kỳ và giảm 12% so với quý trước), lợi nhuận thuần thấp hơn 18% so với kỳ vọng, đạt 85 tỷ đồng (so với lỗ thuần 186 tỷ đồng trong Q4/NĐTC 2023-2024, giảm 69% so với quý trước), do chi phí quản lý và thuế TNDN tăng cao (Bảng 1). Chi tiết như sau:

Doanh thu thuần giảm do xuất khẩu suy yếu

Theo Hiệp hội Thép Việt Nam, trong Q4/NĐTC 2024-2025, HSG đã bán 414.562 tấn thép (giảm 17% so với cùng kỳ và giảm 10% so với quý trước), chủ yếu do xuất khẩu suy yếu (Bảng 2). Chi tiết như sau:

- Sản lượng xuất khẩu** giảm mạnh 49% so với cùng kỳ (giảm 28% so với quý trước) xuống chỉ còn 120.611 tấn, do mất thị trường Mỹ từ tháng 9/2024 và các biện pháp bảo hộ gia tăng trên toàn cầu.
- Sản lượng tiêu thụ trong nước** tăng 12% so với cùng kỳ (không đổi so với quý trước) nhưng không đủ để bù trừ cho phần sụt giảm của xuất khẩu.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/NĐTC 2024-2025, HSG, HSG

Đảo chiều so với cùng kỳ, nhưng thấp hơn dự báo, do chi phí tăng

Tỷ đồng	4Q-FY9/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	FY9/25	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	8,357	-17.3%	-12.1%	36,538	-7.0%
Lợi nhuận gộp, báo cáo	1,021	20.3%	-15.8%	4,516	6.2%
Lợi nhuận gộp cốt lõi	1,000	3.0%	-17.6%	4,349	-3.0%
Tỷ suất LN gộp cốt lõi	12.0%	+2.4 ppts	-0.8 ppts	11.9%	+0.5 ppts
Chi phí BH&QL	917	-13.3%	-4.4%	3,776	-1.7%
Chi phí BH&QL/Doanh thu	11.0%	+0.5 ppts	+0.9 ppts	10.3%	+0.5 ppts
LNTT, báo cáo	111	Đảo chiều	-61.7%	820	51.6%
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng HTK	21	117.2%	N/a	166	172.5%
Lãi/lỗ tỷ giá	33	-54.0%	-21.6%	188	-14.3%
Thu nhập khác	20	749.0%	-44.0%	71	75.7%
LNTT cốt lõi	37	Đảo chiều	-82.4%	394	-22.7%
Lợi nhuận thuần, báo cáo	85	Đảo chiều	-69.1%	732	43.4%
Lợi nhuận cốt lõi	28	Đảo chiều	-85.8%	355	-27.0%

Nguồn: HSG, HSC

Do đó, doanh thu của HSG trong quý giảm cả so với cùng kỳ và so với quý trước trong quý. Trong khi đó, doanh thu thuần NĐTC 2024-2025 đạt 36.538 tỷ đồng, giảm 7% so với cùng kỳ và bằng 99% dự báo cho cả năm 2025 của chúng tôi.

Có lãi trở lại, nhưng đáng thất vọng so với kỳ vọng của chúng tôi

Lợi nhuận thuần Q4/NĐTC 2024-2025 của HSG thấp hơn kỳ vọng của HSC ở mức 104 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí quản lý và thuế TNDN cao hơn dự kiến, nhưng bắt đầu có lãi trở lại (so với cùng kỳ). Quan trọng là, nếu loại trừ các khoản mục không thường xuyên, lợi nhuận thuần từ HĐKD cốt lõi sẽ đạt 28 tỷ đồng, cải thiện đáng kể so với lỗ 135 tỷ đồng trong Q4/NĐTC 2023-2024 nhưng vẫn thấp hơn 86% so với quý trước.

Lợi nhuận thuần NĐTC 2024-2025 đạt 732 tỷ đồng, tăng trưởng 43% và thấp hơn 7% so với dự báo cho năm 2025 của chúng tôi, trong khi lợi nhuận thuần từ HĐKD cốt lõi đạt 355 tỷ đồng, giảm 27% so với cùng kỳ một cách đáng thất vọng.

Thông tin chi tiết về KQKD trong quý:

- **Lợi nhuận gộp** trong quý của HSG đạt 1.021 tỷ đồng, tăng 3% so với cùng kỳ nhưng giảm 18% so với quý trước. Trong đó, HSG ghi nhận 21 tỷ đồng hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho. Nếu loại trừ khoản này, tỷ suất lợi nhuận gộp từ HĐKD cốt lõi có cải thiện nhẹ so với cùng kỳ và so với quý trước lên 11% (Q4/NĐTC 2023-2024: 10,5%; Q3/NĐTC 2024-2025: 10,1%).
- **Chi phí bán hàng & quản lý** trong quý giảm 13% so với cùng kỳ và giảm 4% so với quý trước xuống 917 tỷ đồng. Trong đó, chi phí quản lý tăng mạnh 23% so với cùng kỳ và tăng 9% so với quý trước lên 183 tỷ đồng, mặc dù doanh thu giảm 17% so với cùng kỳ và 12% so với quý trước. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến lợi nhuận trong quý thấp hơn kỳ vọng do chúng tôi dự báo chi phí quản lý ở mức 153 tỷ đồng.
- **Lỗ tài chính** ở mức 12,4 tỷ đồng, so với lợi nhuận HĐ tài chính 31 tỷ đồng và 1 tỷ đồng lần lượt trong Q4/NĐTC 2023-2024 và Q3/NĐTC 2024-2025.
- **Thuế TNDN** Q4/NĐTC 2024-2025 tăng mạnh lên 31,5 tỷ đồng (tăng 118% so với cùng kỳ và tăng 17% so với quý trước) và thuế suất thuế TNDN ở mức 23,9%. Chi phí thuế TNDN tăng chủ yếu là do công ty quyết toán thuế cho cả năm trong quý này.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu giảm 12% trong 1 tháng qua, HSG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 13,3 lần, thấp hơn so với bình quân 3 năm ở mức 23,1 lần, cho thấy rủi ro cổ phiếu bị định giá lại ở mặt bằng thấp hơn. Bất chấp những nỗ lực thúc đẩy sản lượng tiêu thụ trong nước, tốc độ tăng trưởng vẫn không đủ để bù đắp hoàn toàn sự sụt giảm của xuất khẩu. Hơn nữa, tiềm năng chi phí đầu vào tăng cao (do chính sách bảo hộ đối với HRC trong nước) có khả năng gây áp lực lên tỷ suất lợi nhuận của HSG. Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Bảng 2: Cơ cấu sản lượng tiêu thụ Q4/NĐTC 2024-2025, HSG

Giảm 17% so với cùng kỳ và 10% so với quý trước, do xuất khẩu yếu

Tân	4Q-FY9/24	4Q-FY9/25	So với cùng kỳ	so với quý trước	FY9/24	FY9/25	So với cùng kỳ
Tôn mạ	399,578	308,522	-22.8%	-12.5%	1,550,523	1,379,677	-11.0%
Trong nước	168,181	190,442	13.2%	0.0%	620,173	730,733	17.8%
Xuất khẩu	231,397	118,080	-49.0%	-27.2%	930,350	648,944	-30.2%
Ông thép	99,603	106,040	6.5%	-3.1%	359,130	417,260	16.2%
Trong nước	94,253	103,509	9.8%	-1.2%	338,730	395,804	16.8%
Xuất khẩu	5,350	2,531	-52.7%	-45.6%	20,400	21,456	5.2%
Tổng sản lượng thép	499,181	414,562	-17.0%	-10.3%	1,909,653	1,796,937	-5.9%
Tổng trong nước	262,434	293,951	12.0%	-0.4%	958,903	1,126,537	17.5%
Tổng xuất khẩu	236,747	120,611	-49.1%	-27.7%	950,750	670,400	-29.5%
Tỷ trọng doanh thu							
Trong nước	52.6%	70.9%			50.2%	62.7%	
Xuất khẩu	47.4%	29.1%			49.8%	37.3%	

Nguồn: VSA, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	09-23A	09-24A	09-25F	09-26F	09-27F
Doanh thu	31,651	39,272	37,213	41,280	45,747
Lợi nhuận gộp	3,061	4,264	4,531	4,849	5,360
Chi phí BH&QL	(2,884)	(3,840)	(3,762)	(4,045)	(4,483)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	177	423	769	804	876
Lãi vay thuần	(80.7)	87.2	17.4	54.1	102
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	49.9	40.6	70.7	78.4	86.9
LNTT	146	551	857	936	1,065
Chi phí thuế TNDN	(116)	(36.5)	(67.7)	(80.7)	(91.8)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.05)	(0.04)	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	30.0	515	790	855	973
Lợi nhuận thuần ĐC	27.9	479	734	796	905
EBITDA ĐC	1,308	1,413	1,640	1,576	1,651
EPS (đồng)	48.7	835	1,271	1,377	1,567
EPS ĐC (đồng)	45.3	777	1,182	1,281	1,457
DPS (đồng)	500	500	500	500	500
Slg CP bình quân (triệu đv)	616	616	621	621	621
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	616	616	621	621	621
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	616	616	621	621	621

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	09-23A	09-24A	09-25F	09-26F	09-27F
Tiền & tương đương tiền	597	602	1,109	3,195	5,043
Đầu tư ngắn hạn	26.2	30.6	39.8	51.8	67.3
Phải thu khách hàng	2,322	2,985	2,977	2,890	2,745
Hàng tồn kho	7,629	9,712	8,001	8,256	8,234
Các tài sản ngắn hạn khác	701	844	800	887	983
Tổng tài sản ngắn hạn	11,275	14,174	12,927	15,279	17,072
TSCĐ hữu hình	4,833	3,915	2,796	2,051	1,313
TSCĐ vô hình	187	196	206	216	227
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	531	665	930	930	930
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	539	616	1,884	1,086	1,199
Tổng tài sản dài hạn	6,090	5,391	5,816	4,283	3,669
Tổng cộng tài sản	17,365	19,566	18,743	19,562	20,741
Nợ ngắn hạn	2,936	5,364	4,739	4,736	4,846
Phải trả người bán	2,885	2,328	2,233	2,477	2,745
Nợ ngắn hạn khác	433	635	703	763	933
Tổng nợ ngắn hạn	6,569	8,632	7,963	8,296	8,879
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0.71	0.71	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	0.71	0.71	0	0	0
Tổng nợ phải trả	6,585	8,649	7,978	8,312	8,897
Vốn chủ sở hữu	10,764	10,901	10,749	11,234	11,828
Lợi ích cổ đông thiểu số	16.1	16.1	16.1	16.1	16.1
Tổng vốn chủ sở hữu	10,780	10,917	10,765	11,250	11,844
Tổng nợ phải trả và VCSH	17,365	19,566	18,743	19,562	20,741
BVPS (đ)	17,475	17,697	17,309	18,090	19,048
Nợ thuần/(tiền mặt)	2,339	4,762	3,629	1,541	(196)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	09-23A	09-24A	09-25F	09-26F	09-27F
EBIT	177	423	769	804	876
Khấu hao	(1,131)	(990)	(871)	(773)	(774)
Lãi vay thuần	(80.7)	87.2	17.4	54.1	102
Thuế TNDN đã nộp	(54.1)	(84.9)	(94.3)	(112)	(128)
Thay đổi vốn lưu động	1,238	(3,005)	357	(2,074)	(1,259)
Khác	(629)	311	88.1	133	188
LCT thuần từ HKKD	1,866	(1,415)	2,212	(423)	501
Đầu tư TS dài hạn	(374)	(771)	(74.5)	(82.6)	(91.5)
Góp vốn & đầu tư	(17.6)	(4.26)	4.40	6.04	16.0
Thanh lý	41.6	50.9	62.2	61.1	61.2
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(350)	(724)	(7.86)	(15.4)	(14.3)
Cổ tức trả cho CSH	0	0	0	0	0
Thu từ phát hành CP	0	22.1	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(1,251)	2,428	(1,616)	2,625	1,512
Khác	(0.01)	(308)	(80.9)	(102)	(150)
LCT thuần từ HĐTC	(1,251)	2,142	(1,697)	2,524	1,362
Tiền & tương đương tiền đầu kì	330	597	602	1,109	3,195
LCT thuần trong kỳ	265	3.55	507	2,085	1,848
Ảnh hưởng của tỷ giá	1.54	1.66	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	597	602	1,109	3,195	5,043
Dòng tiền tự do	1,492	(2,185)	2,137	(505)	409

Các chỉ số tài chính	09-23A	09-24A	09-25F	09-26F	09-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	9.67	10.9	12.2	11.7	11.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	4.13	3.60	4.41	3.82	3.61
Tỷ suất LNT (%)	0.09	1.31	2.12	2.07	2.13
Thuế TNDN hiện hành (%)	79.4	6.63	7.90	8.62	8.62
Tăng trưởng doanh thu (%)	(36.3)	24.1	(5.24)	10.9	10.8
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(25.0)	8.08	16.0	(3.90)	4.74
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(88.1)	1,615	53.4	8.34	13.8
Tăng trưởng EPS (%)	(88.4)	1,615	52.2	8.34	13.8
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(88.4)	1,615	52.2	8.34	13.8
Tăng trưởng DPS (%)	nm	0	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	1,026	59.8	39.3	36.3	31.9
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	0.28	4.75	7.29	7.78	8.44
ROACE (%)	1.62	3.90	7.09	7.29	7.58
Vòng quay tài sản (lần)	1.84	2.13	1.94	2.16	2.27
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	10.6	(3.34)	2.88	(0.53)	0.57
Số ngày tồn kho	97.4	101	89.4	82.7	74.4
Số ngày phải thu	29.6	31.1	33.2	29.0	24.8
Số ngày phải trả	36.8	24.3	24.9	24.8	24.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	23.1	45.5	35.5	15.6	0.30
Nợ/tài sản (%)	17.7	28.4	26.3	25.3	24.5
EBIT/lãi vay (lần)	2.19	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	2.35	3.94	3.00	3.14	3.08
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.72	1.64	1.62	1.84	1.92
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.40	0.38	0.37	0.29	0.22
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.64	10.6	8.51	7.52	6.12
P/E (lần)	342	19.9	13.1	12.1	10.6
P/E ĐC (lần)	368	21.4	14.1	13.0	11.4
P/B (lần)	0.95	0.94	0.96	0.92	0.87
Lợi suất cổ tức (%)	3.00	3.00	3.00	3.00	3.00

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn